

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 24/2019/PT-DS

Ngày: 09 - 5 - 2019

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Thẩm phán :

Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2018/TLPT-DS ngày 28-12-2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2019/QĐXX-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 6/16 đường K, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T (tức Trần Thị Cúc) đã chết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn:

- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà 27/798 đường T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam

- Ông Trần Quyết T1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 35 đường T, tiểu khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam
- Ông Trần Quyết T2, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đồn Biên phòng N, huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi liên quan:

- NLQ1, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số 439 H, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- NLQ2, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số 40/34/15 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại theo uỷ quyền của NLQ2: Bà Trần Thị H sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 6/16 đường K, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- NLQ4, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Số nhà 2/37/342 H, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội

- NLQ5, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 2/37/342 H, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội

- NLQ6, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 2/37/342 H, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Trần Thị H: Ông Trịnh Sơn Đoài - Luật sư Văn phòng luật sư Sơn Nga, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

5. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án; bà Trần Thị T1, ông Trần Quyết T1, Trần Quyết T2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt bà H, ông Đoài, bà T1, ông T2, những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà Trần Thị H trình bày: Bà có ông ngoại là liệt sỹ Trần Cao Đệ hy sinh năm 1951, được công nhận liệt sỹ năm 2000; cậu ruột là liệt sỹ Trần Bình Quân hy sinh năm 1950, được công nhận liệt sỹ năm 1960; bà ngoại là Trần Thị Yên mất năm 1990, được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 7 năm 2017. Trong thời gian cụ Trần Thị Yên tuổi già sống một mình, bà đã tự nguyện nuôi

dưỡng cụ từ năm 1973 đến khi qua đời là năm 1990. Ngoài việc nuôi dưỡng cụ Yên, việc thờ cúng liệt sỹ cũng đều do bà đảm nhiệm, các di của bà là con gái cụ Yên không ai quan tâm, hỗ trợ gì. Tháng 7 năm 2017, nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng đối với cụ Trần Thị Yên và tiền thưởng kèm theo là 20.150.000đ. Số tiền này con cụ Yên là Bà Trần Thị T ở La Chợ, Mỹ Tiến, Mỹ Lộc, Nam Định đã nhận. Bà có quan điểm toàn bộ số tiền này là phải thuộc về bà vì bà có công nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng Trần Thị Yên. Nay bà khởi kiện yêu cầu Bà Trần Thị T phải trả lại cho bà toàn bộ số tiền 20.150.000đ mà nhà nước khen thưởng khi truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng đối với cụ Trần Thị Yên.

* Tại văn bản ghi ý kiến và lời khai bị đơn Bà Trần Thị T trình bày: Tháng 7 năm 2017 cụ Trần Thị Yên được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và tiền thưởng kèm theo là 20.150.000đ. Căn cứ vào quy định hiện hành thì các khoản chế độ trên đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định, xét duyệt và ra quyết định chi trả cho đối tượng được hưởng là bà (Trần Thị Thảo). Thực tế bà có nhận tiền thưởng kèm theo danh hiệu truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng đối với cụ Trần Thị Yên là 20.150.000đ. Toàn bộ số tiền này đều đã được mọi thành viên trong gia đình bà gồm bà Tâm, NLQ1 cùng là con đẻ của cụ Đệ và cụ Yên uỷ quyền cho bà lĩnh và thực hiện việc thờ cúng nên bà được cơ quan Nhà nước chi trả là đúng đối tượng. Nay bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Bà Trần Thị T đã chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thảo là bà Trần Thị T1, ông Trần Quyết T1, ông Trần Quyết T2 đều trình bày: Bà Trần Thị T đã nhận số tiền thưởng kèm theo danh hiệu truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng đối với cụ Trần Thị Yên là 20.150.000đ và sử dụng hết số tiền này vào việc xây nhà thờ. Bà Trần Thị T chết ngày 25/5/2018 và không có tài sản gì để lại. Khi chết, Bà Trần Thị T được hưởng chế độ tiền trợ cấp tuất một lần và tiền trợ cấp mai táng là 26.554.300 đồng. Số tiền này ông Trần Quyết T1 nhận ngày 09/8/2018 nhưng đã được ông T1 sử dụng chi tiêu hết vào việc làm đám ma và 49 ngày cho bà Thảo. Nay bà Trần Thị T1, ông Trần Quyết T1, ông Trần Quyết T2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không biết và không liên quan gì vì không được hưởng tài sản thừa kế do Bà Trần Thị T để lại.

* NLQ1 có văn bản trình bày: Toàn bộ các khoản tiền chế độ của Nhà nước đối với thân nhân người có công trong gia đình bà đều được uỷ quyền cho Bà Trần Thị T, bà không có yêu cầu gì. Nay bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H.

* NLQ4, NLQ5 và NLQ6 đều trình bày: Đối với phần tiền các ông được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật trong số tiền thưởng kèm theo danh hiệu truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng của cụ Trần Thị Yên là 20.150.000đ, các ông thống nhất giao cho Bà Trần Thị T toàn quyền sử dụng. Các ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H, các ông đều biết số tiền này đã được bà Thảo sử dụng vào việc xây từ đường và sửa sang phần mộ.

* Bản án sơ thẩm số 06/2018/DS - ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc đã quyết định:

Căn cứ các Điều từ Điều 609 đến Điều 615, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1.2 mục 1 phần III Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị H. Buộc ông Trần Quyết T1 phải thanh toán cho NLQ2, Bà Trần Thị H mỗi người 2.518.700 đồng (Hai triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm đồng). Số tiền này được lấy ra từ số tiền trợ cấp tuất một lần và tiền trợ cấp mai táng 26.554.300 đồng mà Bà Trần Thị T được hưởng, hiện ông Trần Quyết T1 là người quản lý.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người bị thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Miễn án phí cho Bà Trần Thị T, Bà Trần Thị H, NLQ2.

* Tại đơn kháng cáo ngày 19/10/2018 Bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại đơn kháng cáo các ngày 19/10/2018, 22/10/2018, 26/10/2018 bà Trần Thị T1, ông Trần Quyết T1, Trần Quyết T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Trần Thị H có quan điểm: Bà H là cháu ngoại của cụ Yên, bà có công chăm sóc nuôi dưỡng cụ Yên từ năm 1973 đến năm 1990, bà H là thân nhân Bà mẹ Việt

Nam anh hùng nên được hưởng toàn bộ số tiền thưởng kèm theo danh hiệu truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng của cụ Trần Thị Yên là 20.150.000đ

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Thị H, bà Trần Thị T1, ông Trần Quyết T1 và ông Trần Quyết T2. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2018/DS - ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bà Trần Thị H, bà Trần Thị T1, ông Trần Quyết T1, Trần Quyết T2 hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ông Trần Quyết T1, NLQ1, Trần Thị Nhung, NLQ4, Nguyễn Trọng Bằng, Nguyễn Trọng Anh đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ..

[2] Về nội dung vụ án:

Cụ Trần Thị Yên chết năm 1990. Ngày 06/7/2017 cụ Trần Thị Yên được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và tiền thưởng kèm theo là 20.150.000đ. Ngày 26/7/2017, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Lộc đã tổ chức lễ trao tặng danh hiệu danh hiệu vinh dự trên cho thân nhân Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bà Trần Thị T (tức Cúc) đại diện cho thân nhân của cụ Yên đã nhận số tiền thưởng kèm theo danh hiệu truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng là 20.150.000đ. Tại khoản 1.2 mục 1 phần III Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Trường hợp người có công với cách mạng đã chết, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mới có quyết định cho họ được hưởng tài sản theo quy định của pháp luật thì tài sản đó là di sản để lại cho các thừa kế của họ”. Do vậy số tiền 20.150.000đ là di sản thừa kế của cụ Yên nên các con của cụ Yên được hưởng kỹ phần thừa kế theo quy định của pháp luật về thừa kế.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự:

[3.1] Đối với kháng cáo của Bà Trần Thị H: Cụ Trần Thị Yên chết năm 1990 có chồng là Liệt sĩ Trần Cao Đệ hy sinh năm 1951. Cụ Yên có sáu người con gồm: Ông Trần Bình Tuệ chết năm 1945 (không có vợ con); liệt sĩ Trần Bình Quân hy sinh năm 1950 (không có vợ con); bà Trần Thị Cúc (tức My) chết năm 2012; bà Trần Thị Minh Tâm chết năm 2016; Bà Trần Thị T chết ngày 25/5/2018 và NLQ1. Như vậy các bà Trần Thị Cúc (tức My); bà Trần Thị Minh Tâm; Bà Trần Thị T và NLQ1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế theo pháp luật số tiền 20.150.000 đồng. Kỳ phần mỗi người được hưởng bằng nhau là 5.037.500 đồng. Bà Trần Thị T (tức Cúc) đã nhận, quản lý sử dụng số tiền thưởng kèm theo danh hiệu truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng là 20.150.000đ nên bà Thảo phải có trách nhiệm thanh toán lại kỳ phần cho các đồng thừa kế khác.

Bà Trần Thị Cúc (tức My) chết năm 2012, bà My ly hôn từ năm 1952, bà có hai người con là NLQ2 và Bà Trần Thị H, vì vậy NLQ2 và bà H là đồng thừa kế được hưởng thừa kế theo pháp luật số tiền 5.037.500 đồng mà bà Trần Thị Cúc (tức My) được hưởng của cụ Yên. Chia phần mỗi người được hưởng là 2.518.750 đồng.

Bà H cho rằng bà là người có công nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng (cụ Yên) nên được hưởng toàn bộ số tiền 20.150.000đ là không có căn cứ, vì số tiền này là di sản thừa kế nên phải chia theo pháp luật về thừa kế. Mặt khác tại Bản án phúc thẩm số 01 ngày 12-02-2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà Trần Thị Cúc với Bà Trần Thị T, Trần Thị Minh Tâm, Trần Thị T1 Nga đã xem xét giải quyết công sức chăm sóc nuôi dưỡng cụ Yên của bà H và đã quyết định: Bà H được nhận số tiền công chăm sóc nuôi dưỡng cụ Yên, tiền bảo quản tôn tạo di sản do bà Cúc thanh toán là 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T1, ông T2, ông T1.

Bà Trần Thị T (tức Cúc) chết ngày 25/5/2018, nên việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Thảo để lại được thực hiện theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015. Khi chết Bà Trần Thị T được hưởng chế độ tiền trợ cấp tuất một lần và tiền trợ cấp mai táng là 26.554.300 đồng, người được đứng nhận tiền trợ cấp là ông Trần Quyết T1. Ông T1 khai là đã sử dụng hết số tiền 26.554.300 đồng vào việc làm đám ma và 49 ngày cho bà Thảo nhưng ông không đưa ra được các chứng cứ chứng minh chi phí hợp lý cho việc sử dụng hết số tiền

26.554.300 đồng. Số tiền trợ cấp 26.554.300 đồng mà Bà Trần Thị T được hưởng khi chết là di sản do bà Thảo để lại và chưa được chia, ông Trần Quyết T1 là người quản lý di sản nên buộc ông Trần Quyết T1 phải thanh toán cho NLQ2 và Bà Trần Thị H mỗi người là 2.518.700 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Số tiền này được lấy ra từ số tiền trợ cấp tuất một lần và tiền trợ cấp mai táng 26.554.300 đồng mà Bà Trần Thị T được hưởng. Vì vậy kháng cáo của bà T1, ông T2, ông T1 là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị T, Bà Trần Thị H, NLQ2 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H, Trần Thị T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Quyết T2, ông Trần Quyết T1 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc

Căn cứ các điều từ Điều 609 đến Điều 615, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1.2 mục 1 phần III Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 228, Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị H. Buộc ông Trần Quyết T1 phải thanh toán cho NLQ2 và Bà Trần Thị H mỗi người 2.518.700 đồng (Hai triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm đồng). Số tiền này được lấy ra từ số tiền trợ cấp tuất một lần và tiền trợ cấp mai táng 26.554.300 đồng mà Bà Trần Thị T được hưởng hiện ông Trần Quyết T1 là người quản lý.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Trần Thị T, Bà Trần Thị H, NLQ2.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Bà Trần Thị H và bà Trần Thị T1.

Ông Trần Quyết T2 và ông Trần Quyết T1 mỗi người phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000925 ngày 26-10-2108 và biên lai số 0000926 ngày 31-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc. Ông T2, ông T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng